

THÔNG BÁO THU TIỀN THÁNG 1/2024

STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 1				Số tiền phải đóng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 1		
I	KHỐI 1 : (BÁN TRÚ)					1.306.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					714.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	22	32.000	704.000	704.000	704.000	
2	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	412.000	412.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				23.000	23.000	
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem/tháng				90.000	90.000	Chỉ thu lớp đăng ký học
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	180.000	180.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				80.000	80.000	
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú/ HKII				100.000	100.000	
II	KHỐI 1 : (HAI BUỔI)					332.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-	10.000	10.000	
1	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	322.000	322.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				23.000	23.000	
III	KHỐI 2 : (BÁN TRÚ)					1.306.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					714.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	22	32.000	704.000		704.000	



STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 1				Số tiền phải đóng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 1		
2	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	412.000	412.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				23.000	23.000	
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem/tháng				90.000	90.000	Chỉ thu lớp đăng ký học
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	80.000	180.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				80.000	80.000	
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú/ HKII				100.000	100.000	
IV	KHỐI 2 : (HAI BUỔI)					332.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-		10.000	
1	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	322.000	322.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				23.000	23.000	
V	KHỐI 3 : (BÁN TRÚ)					1.193.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					714.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	22	32.000	704.000		704.000	
2	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	299.000	299.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	180.000	180.000	

STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 1				Số tiền phải đóng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 1		
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				80.000	80.000	
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú/ HKII				100.000	100.000	
IV	KHỐI 3 : (HAI BUỔI)					309.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-	10.000	10.000	
1	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	299.000	299.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
VII	KHỐI 4 : (BÁN TRÚ)					1.283.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					714.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	22	32.000	704.000		704.000	
2	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	389.000	389.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức giáo dục Stem/tháng				90.000	90.000	Chỉ thu lớp đăng ký học
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú			-	180.000	180.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				80.000	80.000	
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú/ HKII				100.000	100.000	
VIII	KHỐI 4 : (2 BUỔI)					309.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân			-	10.000	10.000	
1	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	299.000	299.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	

STT	Nội dung thu	Số tiền thu tháng 1				Số tiền phải đóng	Ghi chú
		số ngày	Số tiền /ngày	Tổng cộng	Tháng 1		
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
IX	KHỐI 5 : (BÁN TRÚ)					1.296.000	
	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân					714.000	
1	Tiền suất ăn trưa bán trú/tháng	22	32.000	704.000		704.000	
2	Tiền nước uống/tháng				10.000	10.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	402.000	402.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				230.000	230.000	8 tiết/tháng
3	Tiền tổ chức dạy học 2buổi/tháng				80.000	80.000	
4	Tiền tổ chức dạy môn tin học tự chọn/ tháng				23.000	23.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động bán trú				180.000	180.000	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng				80.000	80.000	
2	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú/ HKII				100.000	100.000	
X	KHỐI 5: (1 BUỔI)					184.000	
	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá			-	184.000	184.000	
1	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống/tháng				69.000	69.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài/tháng				115.000	115.000	4 tiết/tháng

Lập bảng

Trương Thị Thanh Luyến

Ngày 04 tháng 01 năm 2024

Hiệu trưởng



Trần Công Thành